

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2023

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lập

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Vĩnh

Ông Cao Anh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mã Thị Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1984; Nơi cư trú: số nhà 05, đường Phan Chu Trinh, tổ dân phố 8, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Trần Đình Kh, sinh năm 1978; Nơi cư trú: số nhà 05, đường Phan Chu Trinh, tổ dân phố 8, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI D VU ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 06 tháng 02 năm 2023 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ D (chị D) và anh Trần Đình Kh (anh Kh) tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình cho phép tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 11/3/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì những năm gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là

do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, các mối quan hệ gia đình và xã hội. Mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng gay gắt, không thể giải quyết được. Vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng thực tế cả hai đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa vợ chồng không còn nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Kh.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị D và anh Kh có 03 (ba) con chung là các cháu Trần Nguyễn Quỳnh Anh (*cháu Anh*), sinh ngày 14/9/2010; cháu Trần Nguyên Khôi (*cháu Khôi*), sinh ngày 18/3/2012 và cháu Trần Bảo Nam (*cháu Nam*), sinh ngày 10/5/2017. Hiện các con còn nhỏ và đang sống với chị D, anh Kh. Ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi các con nhưng không yêu cầu anh Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì đây là trách nhiệm của cha, mẹ đối với các con.

- Về tài sản chung: Xác định không có tài sản chung, các bên không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Xác định không có nợ chung, nợ riêng bất kỳ ai, các bên không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Kh trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Kh và chị D được hai bên gia đình cho phép tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 11/3/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì những năm gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, các mối quan hệ gia đình và xã hội. Mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng gay gắt, không thể giải quyết được. Vợ chồng tuy sống chung nhưng thực tế cả hai không quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa vợ chồng không còn nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Kh thì anh Kh cũng đồng ý ly hôn với chị D.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 03 (ba) con chung là các cháu Trần Nguyễn Quỳnh Anh (*cháu Anh*), sinh ngày 14/9/2010; cháu Trần Nguyên Khôi (*cháu Khôi*), sinh ngày 18/3/2012 và cháu Trần Bảo Nam (*cháu Nam*), sinh ngày 10/5/2017. Ly hôn anh Kh đồng ý giao các con cho chị D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến khi các con thành niên.

- Về tài sản chung: Xác định không có tài sản chung, các bên không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Xác định không có nợ chung, nợ riêng bất kỳ ai, các bên không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Kh có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá

về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật về tố tụng. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nguyên đơn, bị đơn đến Tòa tham gia phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt không đến Tòa tham gia tố tụng nên căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn.

- Về nội D:

+ Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian chung sống chị D và anh Kh xảy ra nhiều mâu thuẫn, đến nay tình cảm giữa chị D và anh Kh không còn; chị D xin ly hôn thì anh Kh cũng đồng ý ly hôn với chị D. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D.

+ Về con chung: Giữa chị D và anh Kh có 03 (ba) con chung là các cháu Anh, sinh ngày 14/9/2010; cháu Khôi, sinh ngày 18/3/2012 và cháu Nam, sinh ngày 10/5/2017. Ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi các con nhưng không yêu cầu anh Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì đây là trách nhiệm của cha, mẹ đối với các con. Còn anh Kh thì đồng ý giao các con cho chị D là người trực tiếp nuôi các con. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao các con cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn là phù hợp.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D yêu cầu được nuôi các con nhưng không yêu cầu anh Kh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị D, anh Kh xác định không có tài sản chung, các bên không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về nợ chung: Chị D, anh Kh xác định không có nợ chung, các bên không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Chị D khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[1] Về tố tụng.

Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ cho nguyên đơn chị D; bị đơn anh Kh đến Tòa tham gia tố tụng nhưng chị D, anh Kh đều có đơn xin xét xử vắng

mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Chị D và anh Kh tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình cho phép tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 11/3/2005, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Kh được xác lập là hợp pháp. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn chị D khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con với anh Kh. Anh Kh có nơi cư trú tại thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật nội D:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân thì thấy rằng: Sau khi kết hôn chị D và anh Kh sống hạnh phúc và có 03 người con. Tuy nhiên, trong những năm gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, các mối quan hệ gia đình và xã hội. Mặc dù cả hai đã cố gắng để hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể giải quyết được.

Vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng thực tế cả hai đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa vợ chồng không còn. Chị D yêu cầu được ly hôn thì anh Kh cũng đồng ý ly hôn với chị D. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh Kh là trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân căng thẳng không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị Thúy. Cho chị D được ly hôn với anh Kh là có cơ sở, phù hợp với thực tế.

[3.2] Về con chung: Theo giấy khai sinh (bản sao) của Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thể hiện họ tên các cháu Trần Nguyễn Quỳnh Anh, sinh ngày 14/9/2010; cháu Trần Nguyên Khôi, sinh ngày 18/3/2012 và cháu Trần Bảo Nam, sinh ngày 10/5/2017 có họ tên người mẹ Nguyễn Thị Mỹ D, họ tên người cha Trần Đình Kh. Căn cứ khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình thì xác định các cháu Anh, cháu Khôi và cháu Nam là con chung của chị D và anh Kh.

Xét yêu cầu nuôi con của chị D thì thấy rằng: Ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi các con. Còn anh Kh thì đồng ý giao các con cho chị D là người trực tiếp nuôi các con. Mặt khác, theo nguyện vọng của các cháu Anh và Khôi cũng mong muốn được ở với chị D. Do vậy, cần giao các con cho chị D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D yêu cầu được nuôi các con nhưng không yêu cầu anh Kh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không buộc anh Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

[3.4] Về tài sản chung: Chị D, anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3.5] Về nợ chung: Chị D, anh Kh xác định không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.6] Về án phí: Chị D khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ D đối với anh Trần Đình Kh về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với anh Trần Đình Kh. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyền 01/05 ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Nguyễn Quỳnh Anh, sinh ngày 14/9/2010; cháu Trần Nguyên Khôi, sinh ngày 18/3/2012 và cháu Trần Bảo Nam, sinh ngày 10/5/2017 cho chị Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đến tuổi thành niên. Anh Trần Đình Kh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011050 ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, chị Nguyễn Thị Mỹ D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Trần Đình Kh không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mỹ D, anh Trần Đình Kh vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Đ (03);
- Chi cục THADS huyện Đ (02);
- UBND TT. Madaguôi, h. Đ (01);
- Công thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Các đương sự (02);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Án văn (03);

Nguyễn Văn Lập